

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc P, sinh năm 1989; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Chung Minh H, sinh năm 1984; HKTT: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 05/7/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà P) trình bày:**

Bà P và ông H chung sống với nhau năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương năm 2015.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P làm đơn xin ly hôn với ông H.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Chung Hoàng D, sinh ngày 18/01/2016. Bà P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà P không đồng ý giao con chung cho ông H chăm sóc nuôi dưỡng vì ông H hay uống rượu, công việc ông H không ổn định và ông H hay bỏ bê con. Bà P đang làm công nhân Công ty E (Việt Nam) tại khu công nghiệp K, huyện L, tỉnh Bình Phước với mức thu nhập theo hợp đồng khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Tính chất công việc của bà là sáng đi chiều về nhà. Bà P đang ở cùng cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện C nên có thể gửi con cho cha mẹ ruột trong thời gian bà đi làm. Hơn nữa, hiện tại con chung đang còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của bà P.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà P không có yêu cầu hay tranh chấp gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 26/7/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn (ông H) trình bày:**

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà P về quá trình chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương năm 2015, có 01 con chung.

- Về hôn nhân: Trước yêu cầu xin ly hôn của bà P thì ông H đồng ý ly hôn.

- Con chung: Ông H yêu cầu được nuôi con chung tên Chung Hoàng D, sinh ngày 18/01/2016 và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Ông H không đồng ý giao con chung cho bà P chăm sóc nuôi dưỡng vì bà P đang làm công nhân công ty tại khu công nghiệp ở tỉnh Bình Phước nên không có nhiều thời gian chăm sóc con như ông H. Tính chất công việc của bà P là sáng đi làm chiều mới về đến nhà. Riêng ông H thì đang làm nghề tự do nên có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn bà P.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông H không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Ngọc P khởi kiện ông Chung Minh H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do ông H cư trú tại ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà P và ông H chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Do đó, hôn nhân giữa bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Sau khi đăng ký kết hôn năm 2015 vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà P làm đơn ly hôn với ông H. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà P thì ông H đồng ý ly hôn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông H không đạt được những điều đó, hai vợ chồng đã không sống chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà P kiên quyết xin ly hôn và ông H đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, bà P và ông H thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà P và ông H có 01 con chung tên Chung Hoàng D, sinh ngày 18/01/2016. Bà P yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà P cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của bà là hợp đồng lao động và biểu lương tháng 7/2018 là 6.000.000 đồng/tháng. Ông H yêu cầu nuôi con chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi con là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Quá trình Tòa án tiến hành xác minh thì cháu D mặc dù đang sống với gia đình ông H nhưng cả ông H và bà P đều cùng nhau chăm sóc con. Bà P đang có công việc ổn định hơn ông H. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Tại thời điểm xét xử cháu D vẫn chưa đủ 36 tháng

tuổi. Do đó, để giữ ổn định đời sống của trẻ vị thành niên và để trẻ có sự phát triển tốt nhất nên giao con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tài sản chung, nợ chung: Bà P, ông H không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P đối với ông Chung Minh H về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc P và ông Chung Minh H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Chung Hoàng D, sinh ngày 18/01/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc P không yêu cầu ông Chung Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012068 ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh